

TÌM HIỂU NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT LƯƠNG HÀ CỔ ĐẠI

Cao Văn Liên*

I. VÀI DÒNG LỊCH SỬ

Thuộc khu vực Tây Á, Lương Hà nằm trên lưu vực hai con sông Tigrơ và Óforát. Phía bắc Lương Hà giáp dãy núi ácmênia, phía tây giáp sa mạc Xiri, phía đông giáp Ba Tư và phía nam giáp vịnh Ba Tư. Hai con sông Tigrơ và Óforát tạo nên đồng bằng rộng lớn phì nhiêu, tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế nông nghiệp và chăn nuôi phát triển. Những cây trồng chính là ôliu, đại mạch và nhiều hoa quả khác. Nghề thủ công và giao lưu buôn bán phát triển là nét bổ sung đặc biệt của nền kinh tế Lương Hà cổ đại.

Do sự trù phú của thiên nhiên nên Lương Hà sớm thành nơi cư ngụ của dân cư Tây Á. Những cư dân tộc người Xu Me có mặt ở mảnh đất này sớm nhất, vào khoảng 4000 năm TCN, tiếp đó là người Xê Mít tới đây vào khoảng 3000 năm TCN và nhiều cư dân khác. Những tộc người đó sống với nhau lâu dài tạo nên một cộng đồng người khi có nhà nước mà Các Mác gọi là những dân tộc Tiên tư bản và xây dựng một quốc gia mạnh nhất của Tây Á thời kỳ cổ đại.

Đầu thiên niên kỷ thứ III TCN công xã nguyên thuỷ tan rã, Lương Hà bước vào xã hội có giai cấp và nhà nước. Ở miền nam Lương Hà xuất hiện nhiều quốc gia nhỏ như Êriđu, Ua, Uma, La gat, Urúc... đứng đầu các quốc gia này là Palêxi. Các quốc gia nhỏ này tìm cách thôn tính lẫn nhau để thống nhất Lương Hà. Lujan Zăcjiji đã thống nhất được miền Nam Lương Hà. Trong khi đó ở miền Bắc vương quốc Áccat của người Xêmit ngày càng lớn mạnh dưới triều đại Xác Gông (2369-2314 TCN) đã đánh bại Kít, một vương quốc hùng mạnh và tiến về phía Nam đánh bại Uruc, đánh bại 50 tiểu vương quốc Palêxi, chinh phục các vương quốc Ua, Umma, Lagat và toàn bộ vùng Xu Me. Cuối cùng Xác Gông đã đánh chiếm Êlam, một vương quốc ở vùng đông bắc và hoàn thành sự nghiệp thống nhất Lương Hà vào thế kỷ XXIV TCN. Quân đội của Xác Gông còn đánh tới Xiri và Palestin. Xác Gông đã hoàn thành sự nghiệp thống nhất Lương Hà. Đây là một bước nhảy vọt trong lịch sử tiến hoá của quốc gia này. Thống nhất quốc gia tạo sức mạnh cho công cuộc trị thuỷ những con sông lớn, đàn áp nô lệ, chấm dứt những cuộc chiến tranh của các tiểu vương quốc, đem lại hoà bình phát

* Phó giáo sư, Tiến sĩ, Học viện Báo chí Tuyên truyền

triển cho đất nước và đạt đến thời kỳ phồn vinh dưới triều đại Maristuxéc (2305-2291 TCN) và Naramxin (2270- 2254 TCN). Sau này Naramxin đã tiến quân tới Ai Cập, Acmenia và Địa Trung Hải. Naramxin được gọi là vua của bốn phương.

Cuối thế kỷ XXII TCN, con của Naramxin (2253-2230 TCN) kế vị, Lưỡng Hà bước vào thời kỳ suy yếu bị người Guti ở Đông Bắc tràn vào xâm lược và thống trị ở đây suốt 100 năm. Năm 2132 TCN, vương triều Ua III lật đổ nền thống trị của người Guti và làm chủ Lưỡng Hà. Dưới triều đại này kinh tế Lưỡng Hà phát triển, lãnh thổ mở rộng đến Êlam, phía tây đến Xiri, tiểu Á. Năm 2024 TCN vương triều Ua III suy yếu. Trong khi đó Babilon, một quốc gia của người Amôrit ở phía Bắc ngày càng lớn mạnh, đặc biệt phồn vinh dưới vương triều Hămurabi. Ông lên ngôi năm 1830 TCN. Năm 1763 TCN Hămurabi tiến hành chinh phục Lưỡng Hà, thống nhất toàn bộ vùng Lưỡng Hà với vùng Atxiri, đạt đỉnh cao nhất của thời kỳ hưng thịnh của đế chế Babilon. Sau khi Hămurabi chết, Babilon bước vào thời kỳ suy tàn. Năm 1600 TCN người Hitit đánh chiếm Babilon. Năm 1518 TCN Babilon bị người Catxit thống trị. Thế kỷ XIII TCN người Atxiri lại đánh chiếm Babilon. Năm 605 TCN Babilon lại được hồi phục dưới tên gọi Tân Babilon, lãnh thổ bao gồm Babilon, Atxiri, Palestin. Năm 539 TCN bị đế quốc Ba Tư (Trung tâm là Iran) đánh chiếm, Tân Babilon diệt vong.

Do có nhiều sông lớn tạo nên nhiều đồng bằng nên kinh tế Lưỡng Hà cổ đại chủ yếu là kinh tế nông nghiệp, ngoài ra còn phát triển thương nghiệp và chăn nuôi. Nền kinh tế nông nghiệp đã tác động tới sự phân hoá xã hội, tới việc hình thành

nhà nước, tới pháp luật và tới nền văn minh cổ đại Lưỡng Hà.

Chế độ chính trị, xã hội Lưỡng Hà cổ đại là chế độ chiếm hữu nô lệ. Trong đó, giai cấp chủ nô do nắm giữ được tư liệu sản xuất là ruộng đất nên trở thành giai cấp thống trị, áp bức, bóc lột. Giai cấp này bao gồm nhà vua, quan lại, chủ nô, tăng lữ. Vua là chủ nô lớn nhất, giàu có nhất. Các cư dân tự do bao gồm thương nhân, nông dân các công xã. Là một nước nông nghiệp nên nông dân Lưỡng Hà xuất hiện sớm ngay từ khi công xã nguyên thủy tan rã và có nhà nước đầu tiên. Nông dân chiếm đại đa số dân cư trong xã hội, là lực lượng chính sản xuất ra của cải vật chất nên là đối tượng bị bóc lột chính của nhà nước và chủ nô, phải chịu quân dịch và lao dịch. Vì đông đảo và bị áp bức bóc lột khốc nên Các Mác gọi những người nông dân châu Á nói chung và có thể tương tự như nông dân Lưỡng Hà là những nô lệ phổ biến.

Nô lệ là giai cấp bị áp bức, bóc lột nặng nề nhất. Nguồn của nô lệ là những nông dân bị phá sản nhưng chủ yếu là những bộ tộc không có dòng giống huyết thống xa xưa với tộc người của chủ nô, bị những bộ lạc của chủ nô đánh bại trong chiến tranh, tài sản ruộng đất bị kẻ chiến thắng cướp đoạt, còn thân phận bị chúng biến thành nô lệ. Theo pháp luật của nhà nước, nô lệ không phải là con người, họ chỉ là tài sản đặc biệt, tài sản biết nói của chủ nô, hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của chủ nô. Nô lệ được vua, quan lại, chủ nô sử dụng trong sản xuất, trong lao dịch, trong các công xưởng nhưng chủ yếu nô lệ ở Lưỡng Hà được sử dụng để hầu hạ, phục dịch trong các gia đình quý tộc. Vì thế, chế độ nô lệ ở phương Đông nói chung và ở Lưỡng Hà nói riêng được Các Mác cho rằng đó là chế độ

nô lệ không điển hình như chế độ nô lệ ở Hi Lạp, Lã Mã phương Tây cổ đại, chỉ là chế độ nô lệ gia đình, gia trưởng. Các Mác còn gọi đó là “*Phương thức sản xuất châu á*”. Có nghĩa là chế độ nô lệ phương Đông tuân theo qui luật chung của hình thái kinh tế xã hội chiếm hữu nô lệ nhưng bị chi phối bởi quy luật riêng do hoàn cảnh cụ thể của phương Đông qui định.

II. BỘ MÁY NHÀ NƯỚC

Chủ nô Lưỡng Hà đã xây dựng được thiết chế chính trị quân chủ chuyên chế tập quyền chủ nô với bộ máy nhà nước chặt chẽ từ trung ương đến địa phương, đặc biệt dưới thời vua Hămurabi. Vua là người đứng đầu nhà nước, nắm tất cả quyền lực gồm quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Vua là người ban hành luật pháp dưới hình thức văn bản, chiếu chỉ hay khẩu dụ (lời nói). Vua là người đứng đầu và điều hành bộ máy hành chính từ trung ương đến địa phương. Vua là người xử án và quyết định cuối cùng những bản án. Vua là người quyết định mọi công việc quốc gia, người thể hiện ý chí của giai cấp chủ nô Lưỡng Hà. Về kinh tế, vua là chủ nô lớn nhất, chiếm một phần hai đất đai ở vùng Nam Xume. Về pháp lý, vua là kẻ sở hữu tất cả ruộng đất trong toàn quốc mà thần dân chỉ có quyền sử dụng, của cải trong kho của nhà nước là của nhà vua. Về thần quyền, vua Lưỡng Hà được thần thánh hoá với danh nghĩa vua đại diện cho thần rách xuống để cai trị nhân dân, cai trị vương quốc. Làm công việc thần thánh hoá nhà vua, thần thánh hoá chế độ có đông đảo tăng lữ. Chính vua Hămurabi tuyên bố: Ta-Hămaurabi, một mục sư được thần Enlin lựa chọn, kẻ nối dõi của các đế vương do thần Xin tạo ra. Madúc (vị thần tối cao của Lưỡng Hà) gọi ta đến cai trị nhân dân và mang đến cho đất nước

cuộc đời hạnh phúc. Dưới vua, ở trung ương có các quan đại thần giúp việc. Nhà nước Babilon còn lập ra cơ quan chuyên trách về tư pháp có Hội đồng Thẩm phán, có Toà án tối cao do vua điều khiển.

Hămurabi đã chú ý xây dựng quân đội hùng mạnh để chinh phục, bảo vệ chính quyền và bảo vệ sự thống nhất đất nước. Quân lính được cấp ruộng đất để sinh sống. Kỷ luật quân đội cực kỳ nghiêm khắc như khi gọi nhập ngũ không đi lại cho người khác đi thay thì kẻ bị gọi sẽ bị tử hình.

Hămurabi chia đất nước thành hai khu vực hành chính lớn để cai trị. Khu vực 1 bao gồm Accát và vùng Bắc Xume, khu vực 2 là miền nam Xume. Ở mỗi khu vực, nhà vua bổ nhiệm Tổng đốc về cai trị. Đơn vị hành chính cơ sở là Công xã nông thôn đứng đầu là một vị quan do vua cử về cai trị. Bên cạnh viên quan này có Hội đồng Công xã đóng vai trò tư vấn. Ở các thành phố nắm quyền cai trị là Hội đồng Trưởng lão nhưng đặt dưới sự giám sát của quan Tổng đốc. Quan lại các địa phương làm nhiệm vụ thu thuế, cai trị, thu các sản vật cống nạp cho nhà nước, bảo đảm an ninh xã hội.

Sở dĩ giai cấp chủ nô Lưỡng Hà xây dựng được thiết chế quân chủ chuyên chế tập quyền vì nhà nước nắm được quyền sở hữu ruộng đất. Ruộng đất ở phương Đông là một tài sản cực kỳ quan trọng, quyết định nguồn sống của toàn bộ thần dân. Do đó kẻ nào nắm được ruộng đất thì kẻ đó nắm quyền thống trị và nắm toàn bộ quyền lực chi phối đời sống của thần dân phụ thuộc. Ngoài ra, lý do trị thuỷ các con sông lớn, lý do chiến tranh cũng làm cho quyền lực tập trung vào tay trung ương vì có như vậy mới huy động được sức người,

sức của cho hai công việc to lớn này của nhà nước. Nắm được quân đội hùng mạnh trong tay cũng làm cho nhà nước trung ương nắm được quyền lực. Kinh nghiệm lịch sử cho hay rằng khi nào chính quyền trung ương không nắm được quân đội khi đó nhà nước Trung ương suy yếu và các thế lực địa phương nổi dậy cát cứ, chia cắt đất nước.

Sự ra đời của nhà nước Lương Hà Cổ đại cho thấy nguyên nhân ra đời của nhà nước là do công xã nguyên thủy tan rã, chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất ra đời, xã hội xuất hiện giai cấp giàu và giai cấp nghèo đối kháng nhau, đấu tranh với nhau. Giai cấp chủ nô phải phát minh ra công cụ gọi là nhà nước để giúp chúng dù là thiểu số trong dân cư vẫn có thể thống trị, áp bức, bóc lột được đại đa số dân cư. Về vấn đề này Lenin viết rằng: nhà nước là công cụ của giai cấp này để thống trị, áp bức, bóc lột giai cấp khác. Như vậy do nguyên nhân ra đời mà nhà nước Lương Hà mang bản chất giai cấp. Nhà nước là công cụ của giai cấp chủ nô để bảo vệ quyền lợi của chúng. Nhưng nhà nước cũng mang tính chất xã hội. Nhà nước còn có chức năng quản lý xã hội, tổ chức nhân dân phát triển sản xuất, trị thủy, tưới tiêu cho nông nghiệp, tổ chức nhân dân phát triển văn hoá nghệ thuật, trước hết là vì quyền lợi của giai cấp cầm quyền nhưng khách quan cũng vì lợi ích của toàn xã hội. Chính vì thế nên văn hoá Lương Hà phát triển thành nền văn minh rực rỡ. Lương Hà trở thành một trong những trung tâm của nền văn minh thế giới cổ đại.

Nhà nước Lương Hà ra đời không chỉ do những nguyên nhân mà còn cần những tiền đề về kinh tế và tiền đề xã hội. Nhà nước này ra đời dựa trên nền kinh tế nông

ngiệp phát triển cao có dư thừa sản phẩm để nuôi sống bộ máy trên thượng tầng kiến trúc ăn bám đồ sộ. Nhà nước này còn dựa trên sự bóc lột nông dân và nô lệ vô hạn độ. Nhà nước ra đời còn do nhu cầu bức thiết để trị thủy các con sông lớn, nhu cầu giao lưu văn hoá giữa các tộc người, nhu cầu chiến tranh xâm lược và chống xâm lược. Từ xã hội nguyên thủy chuyển sang xã hội có giai cấp, có nhà nước, công xã thị tộc chuyển sang công xã nông thôn, còn các "quan chức" thời kỳ nguyên thủy như tộc trưởng, tù trưởng, thủ lĩnh liên minh bộ lạc chuyển thành vua quan trong bộ máy nhà nước. Xuất hiện hai đặc trưng cơ bản của nhà nước, đó là phân chia khu vực hành chính để cai trị và hình thành những cơ quan quyền lực công cộng. Nếu cắt ngang bộ máy nhà nước thì cơ quan quyền lực chính là chính quyền trung ương và chính quyền địa phương. Nếu cắt dọc thì nhà nước Lương Hà (và tất cả các nhà nước từ cổ đại đến hiện đại) đều có ba bộ phận: bộ phận hành chính, bộ phận tăng lữ, trí thức và bộ phận sức mạnh là quân đội với nhiều quân binh chủng. Bộ phận hành chính làm nhiệm vụ cai trị, thu thuế... Bộ phận tăng lữ, trí thức làm nhiệm vụ thần thánh hoá, ca tụng nhà nước, đề ra các học thuyết, viết ra pháp luật và văn hoá nghệ thuật, Bộ phận quân đội để bảo vệ nhà nước. Biện pháp ra đời của nhà nước Lương Hà (cũng như các nhà nước từ cổ đại đến hiện đại) là chiến tranh và bạo lực.

Nếu so sánh nhà nước Lương Hà với nhà nước Hi Lạp, La Mã cổ đại tức là so sánh các nhà nước cùng phương thức sản xuất, cùng hình thái chiếm hữu nô lệ, cùng thời đại (so sánh đồng đại -so sánh chiều ngang) của các sự kiện lịch sử, ta sẽ thấy cả 3 nhà nước đều có tính chất

chung, thể hiện qui luật chung của sự ra đời phát triển của nhà nước. Đó là sự giống nhau cùng nguyên nhân ra đời là do sự tan rã của Công xã Nguyên thủy, xã hội xuất hiện giai cấp và mâu thuẫn giai cấp, nhà nước cổ đại Lưỡng Hà cũng như các nhà nước cổ đại phương Tây cùng một bản chất giai cấp, cùng phục vụ cho giai cấp chủ nô, cùng hai chức năng đối nội và đối ngoại, cùng mang hai đặc trưng và nhà nước đều có ba bộ phận là hành chính, tăng lữ- trí thức và cơ quan sức mạnh. Tuy nhiên do hoàn cảnh địa lý và lịch sử khác nhau, dù là cùng kiểu nhà nước của hình thái kinh tế- xã hội nô lệ thì nhà nước cổ đại Lưỡng Hà có những nét đặc thù khác với nhà nước cổ đại Hi Lạp - La Mã. Nhà nước Lưỡng Hà ra đời sớm hơn nhà nước Hi Lạp, La Mã khoảng hơn 2000 năm (Nhà nước Hi Lạp ra đời kỷ VIII TCN, nhà nước La Mã ra đời thế kỷ VI TCN). Nếu nhà nước Lưỡng Hà dựa trên cơ sở kinh tế nông nghiệp, bóc lột nông dân là chính và một xã hội nô lệ không điển hình thì nhà nước Hi Lạp, La Mã dựa trên cơ sở kinh tế công (thủ công) thương nghiệp vận hành theo cơ chế hàng hoá thị trường, bóc lột nô lệ là chính và là một xã hội nô lệ điển hình. Thiết chế chính trị Lưỡng Hà là nhà nước quân chủ chuyên chế tập quyền, thiết chế chính trị của nhà nước Hi Lạp là cộng hoà dân chủ chủ nô, của La Mã là nhà nước Cộng hoà quý tộc chủ nô (từ kỷ VI TCN đến kỷ I TCN). Ở Lưỡng Hà chế độ công hữu tồn tại còn khá nặng nề (quyền sở hữu ruộng đất của nhà nước, sở hữu ruộng đất của công xã), trong khi đó ở Hi Lạp và La Mã chế độ tư hữu phát triển mạnh mẽ và gần như quét sạch tàn dư công hữu. Tính chất chung thể hiện qui luật chung, nét khác biệt thể hiện qui luật đặc thù giữa phương Đông và phương

Tây. Những khác biệt này là những nhân tố quyết định những bước đi khác biệt của lịch sử xã hội của Lưỡng Hà (của phương Đông) so với lịch sử Hi Lạp La Mã (phương Tây) trong lịch sử trung- cận- hiện đại về sau.

III. LUẬT PHÁP CỔ ĐẠI LƯƠNG HÀ

Trong xã hội nguyên thủy không có pháp luật, trình độ xã hội còn thấp nên mọi quan hệ xã hội được điều chỉnh bằng phong tục tập quán. Chỉ khi xuất hiện nhà nước mới có pháp luật. Pháp luật là ý chí của giai cấp thống trị được nâng lên thành những qui phạm pháp luật mượn bàn tay cưỡng chế của nhà nước buộc toàn dân phải tuân theo. Như vậy, pháp luật không chỉ là phạm trù pháp chế mà còn là phạm trù lịch sử, chỉ khi có đầy đủ tiền đề và nhu cầu xã hội chính trị cần thiết nó mới ra đời. Cùng với những phạm trù khác như nhà nước, giai cấp, chế độ tư hữu, pháp luật cũng ra đời từ thời kỳ cổ đại.

Sau khi sáp nhập Lưỡng Hà vào Babilon, ngoài việc phát triển kinh tế, xây dựng bộ máy nhà nước quân chủ chuyên chế tập quyền, vua Hăm-mu-rabi còn soạn thảo một bộ luật tương đối hoàn chỉnh để điều chỉnh quản lý xã hội. Bộ luật mang tên ông là Bộ luật Hăm-mu-rabi. Bộ luật được khắc trên một tấm đá hoa cương cao 2,25m và dựng tại Quảng trường kinh đô Bát Đa cho nhân dân đọc và thi hành. Phần trên cùng của phiến đá có khắc hình vua Hăm-mu-rabi đứng trước thần Samat (thần bảo vệ toà án, bảo vệ công lý theo quan niệm của người Lưỡng Hà -Babilon). Nội dung của bộ luật được khắc trên hai mặt của phiến đá. Qua thời gian lâu dài, bộ luật bị chôn dưới đất. Năm 1901, một nhà khảo cổ học người Pháp mới tìm thấy bộ luật. Bộ luật có 282 điều (qui phạm)

bao gồm 3 phần: phần mở đầu, phần nội dung và phần kết luận.

Mở đầu bộ luật, vua Hăm-mu-rabi tuyên bố rằng các vị thần đã trao đất nước cho ông cai trị để làm cho đất nước giàu có, nhân dân no ấm. “Khi thần Ma-đúc cử ta thống trị muôn dân một cách công bằng và ban hạnh phúc cho đất nước, ta sẽ khiến cho công bằng và chính nghĩa truyền khắp đất nước và ban hạnh phúc cho nhân dân”. Tiếp đó Hăm-mu-rabi kể về công lao của mình đối với đất nước. Ông tự coi mình là người đã làm cho đất nước giàu có, nhân dân no đủ, các thần linh cũng được sùng kính, được hiến dâng những lễ vật quý giá.

Phần nội dung của bộ luật bao gồm những chế định dân sự, những chế định hình sự và những chế định về tố tụng. Những chế định dân sự gồm những chế định về hợp đồng mua bán, vay mượn. Luật qui định 3 điều kiện đối với hợp đồng mua bán. Thứ nhất, tài sản mua bán phải đúng tính sử dụng của nó; Thứ hai, người bán phải là chủ thực sự của tài sản; Thứ ba, khi tiến hành ký hợp đồng phải có người làm chứng. Luật cũng ghi rõ nếu thiếu một trong ba điều kiện trên thì hợp đồng mua bán không có giá trị. Luật còn nêu những qui định cụ thể như kẻ đem bán vật, tài sản của người khác thì bị tội tử hình. Người chủ dù tìm thấy đồ vật của mình đang bị người khác sử dụng, chủ tài sản muốn đòi lại nhưng không tìm được người làm chứng chứng minh đó là tài sản của mình thì coi như phạm tội vu cáo để chiếm đoạt tài sản của người khác và bị tử hình. Như vậy, trong hợp đồng mua bán được pháp lý qui định rất cụ thể và chặt chẽ nhằm chống bán hàng giả, chống đem đồ ăn cắp ra bán, cũng chống lại những bản hợp đồng gian dối do lừa dối

hoặc do cưỡng bức, dùng vũ lực buộc người khác phải ký hợp đồng, nhất là hợp đồng vay mượn.

Bộ luật qui định những điều khoản lĩnh canh ruộng đất để cày cấy. Đối với đất ruộng, người lĩnh canh được nhận mỗi mùa từ 1/3 đến 1/2 số sản phẩm thu hoạch trên diện tích cày cấy. Đối với đất vườn, người lĩnh canh được nhận 2/3 số sản phẩm trên đất lĩnh canh. Thiên tai, hạn hán, lũ lụt mất mùa vẫn phải nộp đủ hoa lợi cho chủ đất. Nếu chưa trả được tiền thuê đất, cho phép người lĩnh canh được nợ một năm nhưng phải trả cả gốc và lãi. Đối với vay nợ lãi, luật qui định mức lãi suất đối với tiền là 1/5, lãi suất đối với vay thóc là 1/3. Trên thực tế, các chủ nợ đã lấy lãi suất cao hơn nhiều so với luật qui định. Luật Hăm-mu-rabi qui định nếu con nợ không trả được nợ, chủ nợ được quyền giữ bất động sản hoặc giữ con nợ hoặc người thân của con nợ làm con tin.

Trong bộ luật Hăm-mu-rabi, vấn đề kế thừa tài sản là những chế định quan trọng nhằm bảo vệ tài sản cho chủ nô. Luật qui định hai hình thức kế thừa, kế thừa theo pháp luật và kế thừa theo di chúc. Kế thừa theo pháp luật là người để lại tài sản không để lại di chúc chỉ định tài sản thuộc ai. Trong trường hợp này tài sản phải chuyển đến cho những người có quyền thừa kế theo luật định, tức là tài sản được tập trung về dòng họ, sau đó phân xử theo luật, tài sản được chuyển về gia đình người được thừa kế và thành tài sản chung của gia đình.

Thừa kế theo di chúc là trong trường hợp người có tài sản để lại di chúc chỉ định tài sản thuộc ai. Để hạn chế bớt tính độc đoán của người viết di chúc có thể để lại tài sản cho bất cứ ai, luật Hăm-mu-rabi đã

hạn chế bớt quyền tự do của người viết di chúc. Luật qui định người cha không được tước quyền thừa kế của người con trai nếu như người con mới phạm lỗi lần đầu và không nghiêm trọng. Con trai, con gái đều được hưởng quyền thừa kế tài sản ngang nhau. Theo tập tục con gái phải có của hồi môn đi lấy chồng. Con ngoài giá thú giữa chủ nô với nữ nô lệ không được quyền thừa kế, dù chủ nô đã nhận nó là con của mình. Như vậy luật Hammurabi chống lại con ngoài giá thú. Chống lại con ngoài giá thú không chỉ có luật Hammurabi mà đó là tính chất chung của luật xã hội chiếm hữu nô lệ, của luật pháp phong kiến và của cả luật tư sản trong thời kỳ cận đại.

Nhìn chung những chế định của luật dân sự trong bộ luật Hammurabi có nhiều qui định mang giá trị thực tế cao, cụ thể và chặt chẽ nhưng mang nặng bản chất giai cấp. Các chế định nhằm bảo vệ quyền lợi tài sản cho chủ nô.

Luật Hammurabi còn qui định những chế định về hôn nhân gia đình. Luật qui định phụ nữ được đàn ông mua về để làm vợ. Như vậy, người đàn ông vừa là chồng vừa là chủ của người vợ. Trong gia đình người đàn ông giữ vai trò thống trị, quyết định mọi công việc của gia đình. Chồng là người đại diện cho các mối quan hệ của gia đình với láng giềng, xã hội. Nếu cuộc hôn nhân không có con, người chồng có quyền ly dị vợ, bán vợ hoặc lấy vợ lẽ. Nếu bắt được vợ ngoại tình thì chồng có quyền trói vợ và nhân tình của vợ ném xuống sông cho chết. Ngược lại vợ bắt được chồng ngoại tình thì chỉ được ly dị chồng mà thôi. Người cha có quyền bán con của mình cho kẻ khác. Như vậy giống như luật cổ đại của các nước phương Đông (Ai Cập, Ấn Độ, Trung Quốc) và kể cả luật của chế

độ phong kiến về sau, luật Hammurabi mang tính chất bất bình đẳng đối với phụ nữ nhằm xây dựng một chế độ gia đình phụ quyền gia trưởng mà các chế độ này coi là tế bào của xã hội, tế bào của nhà nước quân chủ chuyên chế.

Một trong những nội dung quan trọng của luật Hammurabi là những chế định về hình sự. Những chế định này mang tính chất hà khắc ghê gớm. Luật coi hình phạt là sự trừng trị tội lỗi mang tính chất trả thù ngang bằng nhau. Đây là tàn dư phong tục của xã hội nguyên thủy. Ví dụ điều 229 của luật qui định: "Nếu người thợ xây nhà không bảo đảm kỹ thuật, nhà đổ, chủ nhà chết thì người thợ xây nhà (chủ gia đình người thợ xây) bị giết". Điều 230 qui định: "Thợ xây nhà không bảo đảm kỹ thuật, nhà đổ, con chủ nhà bị chết thì con người thợ bị giết". Như vậy để trả thù ngang bằng nhau, luật cho phép trừng trị cả những người không liên quan đến vụ việc (con người thợ xây). Luật qui định: kẻ vu cáo cho người nào đó giết người thì kẻ vu cáo sẽ bị giết vì tội giết người sẽ bị tử hình. Luật Hammurabi cũng cho phép phạt tiền để chuộc tội. Tiền phạt nhiều hay ít là tùy mức độ phạm tội và địa vị xã hội của người phạm tội và của nạn nhân. Giết một chủ nô sẽ bị phạt gấp nhiều lần so với giết một thường dân. Kẻ phạm tội là lớp trên sẽ bị phạt ít hơn so với kẻ phạm tội là thường dân. Giết người của Hoàng gia sẽ bị tử hình.

Luật Hammurabi qui định trách nhiệm liên đới tập thể của tất cả các thành viên công xã nông thôn đối với nhà nước. Luật ghi rằng công xã nông thôn phải đền bù thiệt hại cho những người bị mất cắp, bị sát hại trên đất công xã mà không bắt được thủ phạm.

Nô lệ là tài sản của chủ nô. Do đó luật qui định trừng phạt nặng những kẻ giúp nô lệ chạy trốn. Những kẻ xâm phạm đến quyền sở hữu của nhà vua hay của chủ nô đều bị xử tử. Người Quản gia làm thất thoát tài sản của chủ sẽ bị ném cho hổ xé xác. Lấy cắp gia cầm hoặc các tài sản khác của chủ phải đền gấp 10 đến 30 lần giá trị thứ đã lấy cắp. Nếu không nộp được phạt, kẻ lấy cắp sẽ bị giết.

Trong bộ luật Hammurabi, án tử hình qui định được tiến hành dưới các hình thức dã man như thiêu, chìm xuống nước, đóng cọc vào hậu môn xuyên lên đầu cho chết. Trong chế định hình sự, kỹ thuật lập pháp đã có ý phân biệt phạm tội vô ý và phạm tội cố ý. Ví dụ luật ghi trong khi ẩu đả làm chết người, nếu kẻ làm chết người chứng minh được rằng không cố ý giết người thì phạm nhân không bị tử hình mà chỉ bị phạt tiền.

Luật Hammurabi còn có những qui định bảo vệ danh dự cho chủ nô. Điều 202 của bộ luật này viết “nếu người dân tự do mà tát vào má người có địa vị cao hơn thì kẻ phạm tội bị đánh 60 roi do bò trước mặt công chúng”. Điều 205 qui định: “nếu nô lệ tát vào má người tự do thì nô lệ bị cắt tai”.

Nội dung thứ 3 của Bộ luật Hammurabi là những chế định về tố tụng. Bộ luật qui định rất ít về thủ tục tố tụng, chỉ qui định toà án khi xét xử phải công khai. Nếu thẩm phán thực hiện không đúng quyết định của toà án thì sẽ bị cách chức và sẽ bị phạt tiền.

Trong phần kết luận, vua Hammurabi lại một lần nữa tán dương công lao của ông với đất nước. Ông khẳng định bộ luật Hammurabi được viết ra là tuân theo ý nguyện của thần thánh cho nên hàng nghìn đời sau bộ luật vẫn có giá trị, các vị

vua kế tục và thần dân đều phải tuân theo. Bởi vì như Hammurabi viết: “Những lời nói của ta là tuyệt vời, sự nghiệp của ta là vô song, chỉ có những kẻ ngu đần nó mới vô ích. Còn đối với những người hiểu biết nó lại là con đường quang minh”. Hammurabi đòi trừng trị tất cả những ai xem thường và định huỷ bỏ bộ luật.

Bộ luật Hammurabi là bộ luật thành văn cổ xưa nhất của phương Đông cổ đại. Bộ luật đã kế thừa và phát triển những bộ luật trước đó của các quốc gia Lưỡng Hà. Bộ luật đã công khai bảo vệ quyền tư hữu tài sản, địa vị xã hội, bảo vệ danh dự của chủ nô. Đối tượng trừng trị của bộ luật là dân nghèo và nô lệ. Bộ luật Hammurabi đã phản ánh các hoạt động kinh tế, chính trị, văn hoá và xã hội của vương quốc Babilon. Bộ luật đồng thời cũng phản ánh tính giai cấp của nhà nước Babilon. Luật được xây dựng, duy trì trên cơ sở bạo lực, đàn áp, bóc lột nô lệ và nông dân. Bộ luật không chỉ có giá trị nghiên cứu lịch sử pháp chế mà còn là nguồn tư liệu phong phú, quý giá để nghiên cứu nền văn hoá Lưỡng Hà-Babilon Bộ luật Hammurabi vì thế là một trong những thành tựu có giá trị bậc nhất của nền văn minh thế giới cổ đại.

Tài liệu tham khảo

1. Các Mác-F. Ăngghen, *Toàn tập, tập 1*, Tiếng Nga.
2. F.Ăngghen - *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và nhà nước*, NXB Sự thật, Hà Nội 1961.
3. Lênin, *Nhà nước và cách mạng*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1957.
4. Khoa lịch sử - Đại học Tổng hợp Hà Nội, *Lịch sử thế giới cổ đại*, Hà Nội, 1975.
5. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới*, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 2005.